



tiān zhǔ

天主

noun · God (in Christianity)

Example Sentences

tā men xiāng xìn tiān zhǔ chuàng zào le shì jiè
他们相信天主创造了世界。

They believe God created the world.

tā měi tiān qí dǎo gǎn xiè tiān zhǔ de ēn cì
他每天祈祷，感谢天主的恩赐。

He prays every day, thanking God for his blessings.

Trace each character, then write the word on your own.

天	天	天	天	天	天	天													
主	主	主	主	主	主	主	主												